TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 320/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị Sỹ Long
2. Bà D Thị Diễm
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga-Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/TLST- HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thúy D, sinh năm 1976. (có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1971.(có mặt)

Cùng HKTT: Số 24 B phố Vạn Phúc, (số mới: 210 ngách 82 ngõ 290 K) phường K, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 /11 /2022 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đặng Thị Thúy D trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc Q có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/02/2002 tại UBND phường K, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại số 24 B phố Vạn Phúc, phường K, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nay là số nhà 210 ngách 82 ngõ 290 K, đây là nhà của bố mẹ chồng chị, anh chị ở đây từ khi kết hôn cho đến nay.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng chị hạnh phúc cho đến khoảng năm 2003-2004 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị phải làm hết mọi việc trong gia đình như việc sửa chữa điện, đèn, nước, mọi công việc đều do chị đảm nhận. Anh Q là công nhân nhà máy công việc và thời gian đi lại đều thất thường.

Nhiều năm gần đây chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng thật sự ngột ngạt, anh Q đi làm về đến nhà là quát mắng vợ con ầm ĩ, anh Q không có trách nhiệm lo toan công việc gia đình và cả mặt kinh tế. Một mình chị phải lo công việc trong gia đình

từ việc sửa chữa, chăm sóc con . Anh Q không đánh đập chị nhưng không chia sẻ việc nhà với chị. Những lần căng thẳng hai vợ chồng cãi vã đều cố gắng giải quyết giữa hai vợ chồng. Chị nhận thấy sức chịu đựng đã đến tột cùng không thể kéo dài sự chịu đựng được nữa.

Vợ chồng chị ở chung nhà với bố mẹ chồng, nhưng sinh hoạt ăn uống riêng. Vợ chồng chị sống chung một nhà, nhưng đã ngủ riêng mỗi người ở một tầng từ trước tết âm lịch 2022. Trước tết nguyên đán vừa rồi ba mẹ con chị đã sang nhà bà ngoại ăn uống, tối mới về nhà chồng ngủ. Ba mẹ con tự chuyển sang nhờ bà ngoại nấu ăn cho thuận tiện với công việc của chị, anh Q cũng không đuổi mấy mẹ con chị.

Anh Q thường xuyên không ăn chung, sinh hoạt với mẹ con chị, anh Q cũng không giải thích lý do vì sao, anh Q cũng không tâm sự với chị và các con. Dù sống chung một nhà, nhưng sinh hoạt chỉ diễn ra giữa ba mẹ con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là Trần Ngọc Trường, sinh ngày 06/09/2002 và Trần Ngọc Nhật Minh, sinh ngày 30/05/2007. Chị xin nuôi con chung Trần Ngọc Nhật Minh. Yêu cầu anh Q đóng góp tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Chị là công nhân thu thập hàng tháng được 5.000.000 – 6.000.000 đồng/tháng.

Con chung Trần Ngọc Trường đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh Q không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Ngọc Q trình bày:

Anh xác nhận lời trình bày của chị D về thời gian, điều kiện kết hôn là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại số 24 B phố Vạn Phúc, phường K, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nay là số nhà 210 ngách 82 ngõ 290 K, đây là nhà của bố mẹ anh.

Anh là công nhân của công ty TNHH MTV khai thác điểm đỗ xe Hà Nội, anh luôn muốn giải quyết và đoàn tụ với vợ. Anh không có quan hệ ngoài luồng với ai, không bạo lực gia đình. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Như vợ anh trình bày anh thường không sinh hoạt với vợ con, ăn chung với vợ con,là do đặc thù công việc của anh là tại bãi trông xe nên anh thường đi làm theo giờ giấc khác với sinh hoạt của ba mẹ con, không có thời gian ăn chung và sinh hoạt với vợ con. Trong cuộc sống do ở gần với bố mẹ chồng nên nhiều lúc vợ anh cũng có va chạm và xích mích với mẹ chồng, bản thân anh còn phải là người đứng ra hòa giải cho gia đình. Anh còn tránh để không có mâu thuẫn gia đình.

Như vợ anh trình bày là trước tết nguyên đán là ba mẹ con có sang bà ngoại để nhờ bà cơm nước, sinh hoạt. Nhưng chị D không nói gì với anh, anh không đuổi gì ba mẹ con. Trong thời gian này anh tự nấu ăn và sinh hoạt ở nhà.

Việc chị D nói anh không có trách nhiệm với gia đình là không đúng, anh vẫn lo tài chính đóng tiền học cho con, dạy dỗ con cái. Việc chị D nói anh không

sửa chữa đồ trong gia đình, là do công việc của anh bận và chị D thường gọi người vào sửa chữa khi anh còn chưa về đến nhà.

Thời gian vừa qua anh và chị D vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng, anh và chị D vẫn sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị D tự đơn phương quyết định một mình, không bàn bạc gì với anh.

Nay chị D xin ly hôn anh, anh nhận thấy cuộc hôn nhân của anh chị chưa trầm trọng tới mức phải ly hôn. Anh vẫn còn tình cảm với chị D, anh xin được hòa giải và đề nghị chị D trở về đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Trần Ngọc Trường, sinh ngày 06/09/2002 và Trần Ngọc Nhật Minh, sinh ngày 30/05/2007.

Trường hợp chị D kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng anh xin nuôi cả 02 con chung là Trần Ngọc Trường, sinh ngày 06/09/2002 và Trần Ngọc Nhật Minh, sinh ngày 30/05/2007, không yêu cầu chị D đóng góp nuôi con.

Cháu Trường đã lớn nhưng chưa đi làm, anh vẫn vừa phải đi làm và đi làm thêm để đóng học cho cháu Trường. Hai cháu đều ngoan ngoãn đều có trách nhiệm với công việc gia đình.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh và chị D không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q và xin nuôi con Trần Ngọc Nhật Minh, yêu cầu anh Q đóng góp nuôi con 3000.000 đồng/tháng.

Anh Q trình bày: Anh không đồng ý ly hôn vì không muốn các con ảnh hưởng đến tâm lý, không đồng ý đóng góp nuôi con 3000.000 đồng/tháng. Trong trường hợp chị D kiên quyết ly hôn thì anh xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị D đóng góp nuôi con. Tổng thu nhập hàng tháng của anh khoảng 4 000.000 đồng đến 5000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh Q đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh Q và chị D có hai con chung Trần Ngọc Trường, sinh ngày 06/09/2002 và Trần Ngọc Nhật Minh, sinh ngày 30/05/2007. Xét thấy hai bên đều có việc làm và thu nhập để đủ nuôi dưỡng cháu Minh. Cháu Minh có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ giao cháu Minh cho chị D nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Cả hai bên đều đi làm và có thu nhập hàng tháng. Căn cứ vào khả năng tài chính của các bên cũng như mức sống tại khu vực Ba Đình, Điều 116 Luật HNGĐ, anh Q có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ : Chị D và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Đặng Thị Thúy D và anh Trần Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 07/02/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai bên không phù hợp, hai bên đã sống ly thân không quan tâm tới nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần tuy nhiên chị D và anh Q vẫn không tìm được tiếng nói chung, chị D kiên quyết xin ly hôn. Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, cuộc hôn nhân của chị D và anh Q không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị D và anh Q.

Về con chung: Chị D và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Trường, sinh ngày 06/09/2002 và Trần Ngọc Nhật Minh, sinh ngày 30/05/2007. Con chung Trần Ngọc Trường đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị D xin nuôi con chung và yêu cầu anh Q đóng 3.000.000 đồng/tháng. Anh Q xin nuôi con chung và không yêu cầu chị D đóng góp tiền nuôi con chung.

Xét thấy, cả hai bên đều có đủ điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên việc giao con chung cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền và lợi ích của con, cháu Trần Ngọc Nhật Minh cháu có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó, giao cháu Trần Ngọc Nhật Minh cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Chị D yêu cầu anh Q đóng góp 3000.000 đồng/tháng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh D xác nhận tổng thu nhập của anh là 4.000.000đồng đến 5000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào khả năng tài chính của các bên cũng như mức sống tại khu vực Ba Đình thì anh Q có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và nhà ở chung: Chị D và anh Q không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: Chị D và anh Q không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 59; 81; 82; 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 28; điều 91; điều 144; điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị Thúy D.

Chị Đặng Thị Thúy D ly hôn anh Trần Ngọc Q.

2, Về con chung: Chị Đặng Thị Thúy D và anh Trần Ngọc Q có 02 con chung là Trần Ngọc Trường, sinh ngày 06/09/2002 và Trần Ngọc Nhật Minh, sinh ngày 30/05/2007.

Con chung Trần Ngọc Trường đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao con chung Trần Ngọc Nhật Minh cho chị Đặng Thị Thúy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3, Về tài sản và nhà ở chung: Chị Đặng Thị Thúy D và anh Trần Ngọc Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4,Về công nợ: Chị Đặng Thị Thúy D và anh Trần Ngọc Q không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5, Về án phí: Chị Đặng Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002995 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Chị Đặng Thị Thúy D và anh Trần Ngọc Q có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)